

NHÂN VẬT TRÍ THỨC CÔ ĐỘC NƠI DI CƯ TRONG CÁC SÁNG TÁC CỦA VLADIMIR NABOKOV TỪ GÓC NHÌN TÂM LÝ XÃ HỘI

Đỗ Thị Hương

Phòng Văn học nước ngoài, Viện Văn học

Tóm tắt: Vladimir Nabokov là một cây bút độc đáo của văn học thế giới. Xuất thân là một người di cư đã giúp Nabokov thấm nạp nhiều luồng văn hóa khác nhau tạo nên nét đặc sắc trong sáng tác, đồng thời cũng khiến ông sáng tạo ra một số kiểu nhân vật mang đặc trưng tâm lý người di cư. Một trong những kiểu nhân vật ấy là kiểu nhân vật trí thức cô độc. Những nhân vật trí thức cô độc tiêu biểu nhất trong sáng tác của Nabokov phải kể đến Pnin (trong tiểu thuyết Pnin), Humbert Humbert (trong Lolita). Qua việc phân tích đặc trưng tính cách hai nhân vật này trong quá trình hòa nhập với quốc gia nơi họ di cư đến, bài viết hướng đến khẳng định sự cô độc/sự tự xa lánh/bị xa lánh (alienation) như là một trong những đặc trưng của văn học di cư thế giới từ góc nhìn xã hội và tâm lý học.

Từ khóa: Cô độc, trí thức, Lolita, Pnin, sự xa lánh, Vladimir Nabokov.

Nhận bài ngày 10.6.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 30.8.2024

Liên hệ tác giả: Đỗ Thị Hương; Email: huongvhnnvvh@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học di cư thế giới (trong đó có văn học di cư Nga), dù là tác phẩm của những nhà văn trung thành với tiếng mẹ đẻ hay đã chuyển sang sáng tác bằng ngôn ngữ nơi họ đến, đều ít nhiều chứa đựng những chấn thương từ sự xa lánh, sự chán chường, nỗi nhớ nhung, niềm khát khao trở về quê hương và mong muốn hòa nhập vào nền văn hóa mới của những nhân vật là người di cư. Những chấn thương ấy trước tiên là sự mất kết nối về thể chất, tình cảm và tâm lý với quê hương. Nhà nghiên cứu Uma Parameswaran trong chương “What Price Expatriation” (thuộc cuốn sách *Writing the Diaspora: Essays on Culture and Identity*, Rawat Publications, India, 2007) gọi sự mất kết nối đó là “Sự bị xa lánh ở trong nước” (inner alienation) (Parameswaran 2007: 26). Không chỉ bị xa lánh ở trong nước, những người di cư cũng luôn cảm thấy xa lạ trên con đường tìm kiếm sự hòa nhập với thế giới mới. Sự đơn độc và xa lạ trên hành trình ở miền đất mới của họ cũng được khẳng định: “Họ (những người di cư – ĐTH) tin rằng, họ không và có lẽ không thể - được xã hội của nước chủ nhà chấp nhận hoàn toàn và do đó phần nào cảm thấy bị xa lánh và cách li với xã hội ấy” (Safran 1991:83) [1]. Cảm giác “bị xa lánh và cách ly với xã hội” của những người di cư cả với nơi họ rời đi (cố quốc) và nơi họ đến (nước sở tại) đã khiến cho chính bản thân họ rơi vào trạng thái cô độc. Đó không chỉ đơn thuần là một vấn đề thuộc về tâm lý, mà còn là một vấn đề thuộc về cả xã hội và được định danh bằng thuật ngữ ‘alienation’ với nhiều biểu hiện khác nhau. Nhà nghiên cứu Melvin Seeman đã chỉ ra năm biểu hiện của sự bị xa lánh: bất lực, vô nghĩa, vô chuẩn mực, tự xa lánh và cô lập xã hội (Seeman 1959:783-791) [2].

Sau này, khi biên soạn cuốn *International Encyclopedia of the Social and Behavior Sciences*, ông bổ sung thêm một đặc trưng - sự xa lạ về văn hóa (Seeman 2001: 385-388) [3].

Vladimir Nabokov là một nhà văn Nga đặc biệt. Cuộc đời của ông từng trải qua cuộc sống ở Nga, Đức, Pháp, Mỹ, Thụy Sĩ. Đó là một hành trình di cư, cũng là hành trình chuyển đổi lối sống và hòa nhập vào xã hội mới. Trong cuộc đời di cư và sáng tác đó của mình, ông viết rất nhiều, cả bằng tiếng Nga, tiếng Anh. Các nhân vật của ông đều rất đa dạng, nhưng chiếm số đông là các trí thức, với các tác phẩm tiêu biểu *Pnin*, *Lolita*, *Những thứ trong suốt...* Dù được xây dựng theo những thủ pháp khác nhau, họ đều được đặt trong các mối quan hệ với các nhân vật đã có liên hệ từ cố quốc và với các nhân vật mới ở nước sở tại nhằm làm nổi bật chủ đề cơ bản: “tình trạng lưu vong của Nga kiều, bị tách rời tổ quốc Nga, văn hóa và ngôn ngữ Nga” (Phạm Gia Lâm 2015: 287) [4]. Từ những mối liên hệ ấy, có thể thấy, những trí thức tiêu biểu nhất trong các sáng tác tiêu biểu nhất của Nabokov (*Pnin*, *Lolita*) đều là những nhân vật người di cư cô độc với đời sống nội tâm phức tạp, họ thường cảm thấy bị xa lánh, từ đó dẫn đến tâm lý tự xa lánh khiến họ càng cô độc hơn trong thế giới nơi họ sống. Cụ thể, đọc *Pnin* và *Lolita*, chúng tôi nhận thấy các nhân vật Nga kiều trong hai tác phẩm này, đều có ít nhất ba trong sáu, thậm chí là nhiều hơn thể biểu hiện của sự bị xa lánh: “*bất lực, vô nghĩa, vô chuẩn mực, tự xa lánh, cô lập xã hội và sự xa lạ về văn hóa*” (Melvin Seeman) [3].

2. NỘI DUNG

2.1. *Pnin* – trí thức cô độc trong bi kịch tự xa lánh

Pnin là tác phẩm đánh dấu sự ra mắt và tên tuổi của Nabokov lần đầu tiên ở Mỹ. *Pnin* được khởi thảo vào năm 1953, được đăng trên tạp chí The New Yorker thành nhiều kỳ từ năm 1953 đến năm 1955. Đến năm 1957 tác phẩm được xuất bản. Ngay tuần thứ hai sau khi ra mắt, *Pnin* được tái bản và tác giả Nabokov được tạp chí Newsweek đánh giá là “một trong các nhà văn tinh tế nhất, hài hước nhất, cảm động nhất nước Mỹ ngày nay” (Nabokov 2017: 5) [5]. *Pnin* kể câu chuyện về một giáo sư gốc Nga đến Mỹ định cư. Trong tác phẩm những câu chuyện về Pnin cứ đan xen từ hiện tại tới quá khứ, từ đó người đọc hình dung ra cuộc đời của nhân vật từ khi còn là một cậu bé cho tới khi lấy vợ, bị lợi dụng rồi sang Mỹ trở thành giáo sư thỉnh giảng của một trường đại học và bị mất việc làm. Điểm đặc biệt nhất trong tất cả những sự kiện của cuộc đời Pnin đó là sự kiện nào ông cũng chỉ có một mình, luôn luôn đơn độc cả khi ở Nga và sau này khi đã đến Mỹ.

2.1.1. *Tự cô lập xã hội dẫn đến sự bất lực trong việc duy trì các mối quan hệ xã hội*

Pnin sinh ra trong một gia đình danh tiếng, bố là bác sĩ nhãn khoa. Pnin được học hành ở trường tử tế, có những người bạn cũng khá thân thiết và gần gũi. Tuy nhiên, sau này, khi sang Mỹ, Pnin dường như chối bỏ tất cả những mối quan hệ của quá khứ, nhất là việc ông tỏ ra lạnh lùng với nhân vật “tôi”, một người bạn thuở thiếu thời. Trong tất cả những cuộc gặp, thậm chí là các cuộc gặp ngẫu nhiên, Pnin luôn tìm cách né tránh, phủ nhận những sự kiện đã từng xảy ra với mình và nhân vật tôi. Cụ thể là trong cuộc tụ họp giữa các văn nghệ sỹ lưu vong ở Pháp, “tôi” đã kể lại cuộc gặp của hai người từ thuở ấu thơ khi “tôi” được gia sư đưa đến chữa bệnh chỗ cha của ông ta và gặp đúng lúc cậu bé Pnin đi học về, người cha lúc ấy khoe con trai của mình vừa được điểm A+ môn Đại số, rồi chuyện Pnin và bạn mượn địa điểm tại nhà bà trẻ của “tôi” để diễn kịch,... Nhưng Pnin đã hoàn toàn phủ nhận điều đó: “tôi không chỉ cố gắng nhắc Pnin nhớ lại những cuộc gặp trước kia, mà còn tiêu khiển cho y và những người khác xung quanh chúng tôi bằng sức bền và sự minh mẫn lạ thường

của trí nhớ tôi. Tuy nhiên, y phủ nhận tất cả. Y bảo y có nhớ lơ mơ về bà trẻ của tôi song chưa từng gặp tôi. Y bảo rằng điểm y trong môn đại số lúc nào cũng rất kém và rằng, dầu thế nào đi chăng nữa thì cha y cũng chẳng bao giờ khoe y trước mặt bệnh nhân” (Nabokov 2017:295) [5]. Nguyên nhân của sự phủ nhận ấy có lẽ đến từ bản tính vừa nhút nhát, vừa rút rề của Pnin mà trong tác phẩm Nabokov dùng từ “kín đáo bên lề” (Nabokov 2017:19) để miêu tả. Pnin kín đáo, rút rề đến mức dường như trở nên tự ti và xa lánh tất cả những người quan tâm đến mình, muốn hợp tác với mình, nhất là những người được đánh giá cao hơn mình. Khi nhân vật “tôi” đề nghị Pnin bằng những lời lẽ chân thành nhất ở lại dạy trong phân khoa Nga của trường Waindell thì Pnin đã từ chối thẳng thừng, mặc cho tương lai thất nghiệp trước mắt. Đó là thời điểm Hagen – chủ nhiệm khoa tiếng Đức và là người mời Pnin dạy thỉnh giảng ở Waindell khi Pnin mới đến Mỹ chuyển đi nơi khác dạy, Pnin không còn chỗ dựa, bởi cho đến thời điểm ấy, mặc dù đã dạy ở Waindell 9 năm, Pnin vẫn chỉ là giảng viên thỉnh giảng, chưa được công nhận là giảng viên chính thức. Người kế nhiệm của Hagen đã từ chối Pnin, tất cả các chủ nhiệm của các khoa Anh và Pháp mà Hagen nhờ vả đều từ chối Pnin. Những môn mà Pnin đang giảng dạy sẽ được giao lại cho “một người đồng xứ lỗi lạc nhất”, “một giảng viên thực sự lỗi cuốn”, một người bạn cũ của Pnin (trở trêu thay lại chính là nhân vật “tôi”). Đó chính là lí do vì sao Pnin thẳng thừng từ chối nhân vật “tôi”, từ chối làm việc dưới quyền của người đồng xứ của mình. Tất cả những sự kiện xảy ra giữa “tôi” và Pnin cùng những sự lảng tránh và từ chối đến từ nhân vật này cho thấy ông ta đang tìm *cách tự cô lập mình khỏi xã hội, tự xa lánh và luôn có xu thế ẩn giấu bản thân mình nhiều nhất có thể*. Nhưng đồng thời, những sự từ chối của những người xung quanh, những đồng nghiệp của Pnin cũng cho thấy *sự bất lực* của ông ta trong việc kiếm tìm một vị thế trong trường và trong mắt những người Mỹ. Thậm chí, sự tồn tại của Pnin, dưới con mắt của những người là đồng nghiệp của ông cũng *vô nghĩa*.

Sống ở Mỹ và phải giảng dạy – một công việc đòi hỏi phải có vốn tiếng Anh tốt nhưng Pnin lại rất kém tiếng Anh, và việc học tiếng Anh với ông thực sự không được như mong muốn: “Vùng đặc biệt nguy hiểm trong trường hợp Pnin là Anh ngữ” (Nabokov 2017:23) [5]. Khi rời Pháp qua Mỹ, Pnin không biết một chữ tiếng Anh nào, năm 1941, Pnin đã có thể dùng các thuật ngữ tiếng Anh lém lỉnh, đến năm 1942, ông đã kể chuyện được bằng thành ngữ, đến khi Truman bước vào nhiệm kỳ tổng thống thứ hai, Pnin đã có thể làm chủ mọi đề tài. Nhưng sau đó, dường như việc học tiếng Anh của ông không có tiến triển. Đến năm 1950 tiếng Anh của ông vẫn còn nhiều sai sót, và để đi dạy ông buộc phải chuẩn bị sẵn bài giảng và đọc, bằng việc dịch các bài viết tiếng Nga phức tạp và dồi dào của mình sang thứ tiếng Anh chấp vá, nhờ người biên tập, đánh máy lại. Đó là lí do vì sao, Pnin luôn cảm thấy *thiếu tự tin* ở một đất nước khác khi phải giảng dạy và giao tiếp bằng thứ ngôn ngữ không phải của mình. Đó cũng là lí do ông hạn chế giao lưu nhất có thể, nhất là giao lưu sâu, và tìm cách tự mình xoay xở để ít làm phiền/ít thể hiện ra sự thiếu sót của mình nhất có thể. Có lẽ, đó cũng là lí do Pnin từ chối làm việc cùng với nhân vật “tôi” người được đánh giá là một nhà văn Anh – Nga lỗi lạc.

Thực tế, trong cuộc sống ở Mỹ, Pnin cũng rất khó hòa hợp và thích nghi, dường như ông ta không có mối tình hay mối quan hệ nào thật sự nghiêm túc và được đáp lại nhiệt tình, ngoại trừ những mối quan hệ công việc bắt buộc và một vài mối quan hệ thân tình ngộ nhận. Pnin chỉ thân thiết duy nhất với Hagen, người đã giới thiệu và bảo trợ cho công việc của ông ta ở trường Waindell. Cái tôi cô độc đã nằm trong vỏ bọc do bản thân tạo ra quá

lâu khiến ông ta không còn nhu cầu phá vỡ sự cô độc yên bình ấy, ngay cả khi nó cho thấy *sự bất lực của ông ta trong việc duy trì sự tồn tại của mình*. Tất cả những điều này, chắc chắn xuất phát từ bản tính của ông ta, và cả những sự kiện trực tiếp xảy đến với ông ta từ trong quá khứ. Khi còn nhỏ, Pnin đã là một cậu bé kín tiếng, không thích thể hiện mình, dù cậu giỏi giang và sống trong một gia đình đông vui và rất quan tâm đến cậu. Trong những dịp sinh nhật, Pnin thường cảm thấy rất khổ sở và thường trốn tất cả những vị khách: “sau một giờ ăn nấu bất tiện, ông chui ra khỏi tủ áo tối om và ngột ngạt trong buồng người hầu gái chỉ để phát hiện ra là mọi bạn chơi đã về nhà” (Nabokov 2017:243-244) [5].

Như vậy, rõ ràng, sự nhút nhát và kín tiếng của Pnin từ nhỏ đã là cơ sở cho sự *tự xa lánh* các mối quan hệ xã hội của nhân vật, nhất là khi nhân vật đến Mỹ, bước vào một môi trường văn hóa, ngôn ngữ xa lạ, trong khi bản thân không thật sự tự tin và cảm thấy an toàn. Cảm giác thu mình lại ở nơi di cư của Pnin là hệ quả của việc nhân vật không được sống đúng với sở trường, ước nguyện (làm một giáo sư ở Nga, sống một cuộc sống thanh bình ở một nơi nào đó của nước Nga); cũng là hệ quả của việc ông cảm thấy bất an khi làm một công việc mà mình không được và không thể thể hiện hết năng lực, đồng thời công việc kiếm sống đó – giảng viên thỉnh giảng ngôn ngữ và văn học Nga lại quá bấp bênh; và ông buộc phải sử dụng một ngôn ngữ mà mình không thể điều khiển được nó hoàn toàn. Sự tổng hòa các cảm giác ấy ở Pnin khiến cho nhân vật bất lực trong việc kiếm tìm và duy trì các mối quan hệ xã hội và sự cô độc ở ông ta là hoàn toàn lí giải được.

2.1.2. Tự xa lánh bản thân trong môi trường xa lạ về văn hóa

Ở nước Mỹ, dù buộc phải sử dụng tiếng Anh để giảng dạy và giao tiếp nhưng Pnin dường như không để tâm nhiều đến việc giao lưu và trau dồi kỹ năng này, nhân vật vẫn chỉ say sưa nghiên cứu các văn bản văn học Nga, đặc biệt là Lev Tolstoy. Với Pnin, thư viện là nơi nhân vật yêu thích nhất, nơi khiến cho nhân vật có cảm giác an toàn nhất: “Không có hành lang nào kết nối thư viện đại học Waindell với bất cứ tòa nhà nào, nhưng nó lại được kết nối mật thiết và vững chắc với trái tim Pnin” (Nabokov 2017:121) [5]. Ông gọi thư viện là “thiên đường tri thức Nga của mình”, nơi ông có thư phòng riêng, nơi tất cả mọi người đều yên lặng gần như tuyệt đối để đọc và làm việc. Tại thư viện, ông có thể chuyên tâm viết một *Petite Histoire* về văn hóa Nga, trong đó có các phong tục, giai thoại văn chương, tác phẩm quý hiếm của Nga. Dự định đó chính là sự tiếp nối những bài luận “đáng ngưỡng mộ” của Pnin về văn hóa và ngôn ngữ Slavo trước đó. Và chính sự cố chấp theo hướng này đã đưa Pnin tránh xa, đồng thời từ chối hòa nhập vào xã hội của nước Mỹ. Hành động rõ rệt nhất là Pnin luôn có xu hướng kiếm tìm một nơi ở thật sự yên tĩnh, tách ông ra với mọi người, nhưng lại phải đảm bảo những tiện nghi và không gian tối thiểu. Pnin từng ở nhiều chỗ khác nhau: ký túc xá đại học dành cho những giảng viên độc thân, các phòng cho thuê...nhưng những chỗ ấy, Pnin đều không ở được lâu. Pnin vô cùng hạnh phúc khi thuê được một ngôi nhà riêng biệt, ngôi nhà mà ông đã mơ ước bấy lâu từ khi sống cuộc đời lênh đênh trôi nổi: “Đối với Pnin thì cảm giác được sống hoàn toàn tự chủ trong ngôi nhà riêng biệt là điều gì đó đặc biệt thích thú và làm thỏa mãn đến không ngờ niềm khát vọng mỗi một đã lâu của cái tôi sâu thẳm, bị nện cho bầm dập và choáng váng bởi ba mươi lăm năm không nhà” (Nabokov 2017:239) [5]. Một trong những điều ngọt ngào nhất mà ngôi nhà ấy đem đến cho Pnin đó là sự yên tĩnh, thần tiên, thôn dã, tuyệt đối an toàn. Pnin hạnh phúc còn bởi căn nhà ấy đã gợi lên hình bóng của những ngôi nhà ở ngoại ô, nơi nghỉ mát, điền trang của nước Nga với mảnh vườn tràn ngập sắc xanh, những con gà lôi đi dạo trong

vườn, những căn nhà hai tầng xây gạch đỏ anh đào, cửa chớp trắng và mái lợp ván, những cây tử đinh hương phong nhã,... Pnin thậm chí thổ lộ: “Với sự ngạc nhiên khoan khoái, Pnin nghĩ rằng giả dụ không có cách mạng Nga, không có cuộc di cư, không có cảnh lưu đày ở Pháp, không có sự nhập tịch ở Mỹ, mọi thứ - may nhất thì, may nhất thì, Timofey! – sẽ chẳng khác gì: một chức giáo sư ở Kharkov hay Kazan, một ngôi nhà ngoại ô như thế này, sách cũ bên trong, hoa muôn bên ngoài” (Nabokov 2017:240) [5]. Niềm hạnh phúc dâng trào khiến ông quyết định phá vỡ quy tắc ứng xử kiểu Pnin của mình. Ông mời mọi người đến cùng thưởng thức một bữa tiệc nhỏ. Trớ trêu thay, bữa tiệc thành công, việc nghiên cứu đang thuận lợi, công việc ở trường mà ông tưởng là đang suôn sẻ thì cũng là lúc mọi thứ đổ sập trước mắt ông khi TS. Hagen, người nâng đỡ ông ở Mỹ nói ông sắp bị sa thải. Nhưng thực tế, như đã nói, với bản tính cô độc của mình, *Pnin tự xa lánh những người mà bản thân ông cảm thấy tự ti khi đối diện với họ, tự xa lánh với việc thiết lập/tái thiết lập những mối quan hệ xã hội của mình*. Sự xa lánh xã hội sở tại nơi người di cư đến là một phản ứng tâm lý thường thấy, điều này đã được các nhà nghiên cứu đề cập. Trong cuốn *Diasporic Literature and Theory – Where Now?* (Mark Shackleton (Edited)) nhà nhân chủng học Arjun Appadurai nhận định: “Đối với những người “khốn khổ” trên thế giới đến sống ở Hoa Kỳ, một sự chia rẽ kỳ lạ đã xuất hiện trong họ. Là người Mỹ, họ có ý thức mạnh mẽ về các quyền và tự do của mình thứ mà họ tìm kiếm và tận hưởng ở mức độ đầy đủ nhất có thể. Là những người không phải người Mỹ, họ vẫn còn cảm giác khiếp sợ, bị xa lánh và khoảng cách mà họ luôn luôn có” (Shackleton 2008:123) [6].

Trong mối quan hệ với gia đình, Pnin cũng là một kẻ kỳ quặc. Pnin thậm chí từ chối nhớ lại mối tình thời ấu thơ bởi ông chung thủy một cách mù quáng và ngờ nghệch với người vợ đã rời bỏ ông, thậm chí bất lực vì bị đặt vào những tình thế đã rồi mà không biết cách, hoặc không muốn phản kháng. Đó là khi Liza vợ ông cùng người tình lợi dụng ông để sang Mỹ, là khi Liza nhờ Pnin chăm lo cho đứa con trai của bà ta với người chồng mới. Cũng vì Liza, Pnin bỏ lỡ cơ hội làm quen và tán tỉnh Betty Bliss, dù rằng theo tính toán của ông, Bliss hoàn toàn phù hợp với mình: “Đúng là ông có thích cô – song trái tim ông đã thuộc về người đàn bà khác” (Nabokov 2017:71) [5]. Sự cố chấp của Pnin là sự trốn tránh những mối giao thiệp xã hội, tự xa lánh và trốn tránh hòa nhập với xã hội mới. Pnin chỉ muốn duy trì và đi theo những mối dây cũ mà ông đã thiết lập được, bám vào nó một cách mù quáng đến phi lý. Đó là khi ông thổ lộ một cách trực tiếp về mối quan hệ với người vợ: “Giả dụ con người tái hợp trên thiên đường (tôi không tin điều đó, nhưng cứ giả định là như vậy đi), thì làm sao tôi có thể bắt nó thôi trườn trên tôi, qua tôi, cái thứ héo quắt, bất lực, què quặt ấy – linh hồn cô?” (Nabokov 2017:97) [5]. Có thể thấy, việc Pnin khước từ thừa nhận quá khứ ấu thơ, khước từ sự thừa nhận với những mối tình, những con người ông quen, những con người ông đã gặp, đã yêu thương cho thấy tính cách nhút nhát của ông. *Thực chất, ông đang tìm cách trốn chạy, tự xa lánh chính bản thân mình*. Nhà nghiên cứu Neal McLeod đã phân chia thành hai loại di cư: di cư về mặt không gian (spatial diaspora) và di cư về mặt tư tưởng (ideological diaspora), trong đó nhấn mạnh sự di cư về mặt tư tưởng chính là sự xa lánh của một người với những câu chuyện của chính mình (Trong Shackleton 2008:182) [6]. Như vậy, Pnin mang trong mình tâm thế của cả hai loại di cư ấy. Và nó ám ảnh nặng nề tâm trạng của ông. Thế nên, với ông, chỉ có niềm hạnh phúc đến từ sách vở, những công trình nghiên cứu đã bước đầu cho thành quả, sự tái hiện lại không gian yên bình cùng âm thanh tĩnh lặng chỉ có ở các điền trang Nga là mang lại *cảm giác an toàn*

cho ông. Có thể khẳng định *quán tính của một người Nga quá lớn, quán tính của văn hóa Nga quá lớn cho nên Pnin từ chối hòa nhập vào nền văn hóa mới*. Đó vừa là sức mạnh, vừa là điểm hạn chế của một kiều dân Nga cô độc trên hành trình tìm ra con đường sống cho mình ở một quốc gia xa lạ. Pnin, đang *tự xa lánh bản thân mình trong ký ức, lịch sử và văn hóa của quốc gia sở tại* – nước Mỹ.

2.2. Humbert Humbert – trí thức cô độc trong bi kịch bị xa lánh

Không chỉ nhân vật Pnin trong tiểu thuyết cùng tên của Nabokov tái xác lập hình ảnh của một trí thức Nga bảo thủ và cô độc trên hành trình tha hương. Ở những tác phẩm khác của Nabokov, hình ảnh của những trí thức và con người Nga cũng được trở đi trở lại. Điểm chung là họ đều hiện lên với tư thế và tâm thế cô độc, nhưng cách hành xử, con đường họ đi lại không hoàn toàn giống nhau. Nếu Pnin trong *Pnin* là một kẻ dưng như khước từ mọi mối quan hệ tại đất nước mới thì Humbert Humbert trong tác phẩm *Lolita* lại hoàn toàn trái ngược. Humbert là một trí thức sinh ra ở Pháp, bản thân mang trong mình nhiều dòng máu Thụy Sĩ, Áo, Nga. Humbert được thừa kế công việc kinh doanh nước hoa của ông bác ở Mỹ. Theo như chính Humbert thừa nhận, đó là một công việc nhàn hạ vì chủ yếu là nghĩ ra ý tưởng và biên tập các quảng cáo nước hoa. Công việc này, thực tế với Humbert chỉ khiến nhân vật bận tâm khi không có gì hay ho hơn để làm. Còn bản thân Humbert là một trí thức, được đào tạo bài bản và có công việc thực sự nghiêm túc và đáng ngưỡng mộ. Humbert lớn lên trong khách sạn Mirana Palas sang trọng/xa hoa của cha mình ở Rivier Paris. Sau đó ông học ở trường Anh tại Riveria và trường trung học cổ điển Pháp ở Lyon, các trường đại học tổng hợp London và Paris và trở thành chuyên gia văn học Pháp và văn học Anh. Một trong những công trình của ông là *Chủ đề Proust trong thư từ trao đổi giữa Kritsa và Benjamin Beiley*. Ông cũng biên soạn cuốn *Tóm lược lịch sử thơ ca Anh* và cuốn sách giáo khoa văn học Pháp với những thí dụ so sánh, đối chiếu từ văn học Anh, làm thơ, viết văn thơ nhại Thomas Eliot và đăng các bài nghiên cứu trong “các tạp chí ít người biết đến”. Tóm lại, ông đã là một trí thức, làm những công việc thực sự liên quan đến sách vở và có đóng góp. Nhưng bi kịch về sự cô độc của Humbert lại đến vì chính sự tự tin và tự do thái quá của Humbert khi dễ dàng hòa nhập vào cuộc sống mới ở nước Mỹ.

2.2.1. Bất lực trong việc chế ngự ám ảnh tâm lý từ ẩn ức thời thơ ấu

Humbert có niềm say mê mãnh liệt với những bé gái trong độ tuổi từ 9 đến 14, có sự quyến rũ của đàn bà, sự quý quái mà ông gọi là “tiểu nữ thần” (nguyên bản tiếng Anh là “nymphet”)¹. Niềm đam mê cháy bỏng của Humbert đến từ ẩn ức thời thiếu niên, khi mối tình nồng nhiệt và say đắm của Humbert với cô bạn “tiểu nữ thần” Annabel không được thỏa mãn hoàn toàn bởi sự giám sát của người lớn. Sự khát khao của hai tâm hồn thiếu niên không được đáp ứng ấy trở thành ám ảnh lớn lao với Humbert, chi phối những sự lựa chọn quan trọng trong cuộc đời ông ta sau này: chọn vợ, lấy vợ, chọn nơi để ở khi sang Mỹ, chọn người để gắn bó và sở hữu,...

Thời trẻ Humbert lấy một cô vợ người Ba Lan vì nhầm tưởng vẻ ngây thơ giả tạo bề ngoài trước mặt ông ta của cô là bản tính của một “tiểu nữ thần”. Khi những ảo ảnh “tiểu

¹ Niềm say mê của Humbert tâm lý học định danh bằng thuật ngữ hebephilia (sở thích tình dục với những người ở độ tuổi 11-14). Xem thêm <https://www.britannica.com/topic/pedophilia>.

nữ thần” được cô vợ dựng lên tan biến, Humbert âm thầm chấp nhận cuộc hôn nhân ấy, nhưng vẫn nung nấu khát khao kiếm tìm một “tiểu nữ thần” thực sự. Ngay khi nhận được thông báo về việc đến Mỹ sinh sống do được hưởng thừa kế của một ông bác, Humbert cũng phát hiện ra bí mật đằng sau cuộc hôn nhân nhạt nhẽo của mình. Vợ của Humbert ngoại tình và họ chia tay nhau ngay trước khi đến Mỹ.

Khi mới sang Mỹ, Humbert bị cuốn vào vòng quay của công việc, và chính vòng quay công việc nghiêm túc ấy đã tách ông ra khỏi thú vui kiếm tìm bóng dáng những tiểu nữ thần đã ám ảnh ông cả thời thơ ấu, dù thực tế khi ở Pháp ông cũng kiếm tìm mà chưa bao giờ thực sự thỏa mãn. Humbert phải hoàn tất bộ lịch sử văn học Pháp (dành cho sinh viên nói tiếng Anh) cho một trường đại học ở Mỹ. Công việc ấy ngốn mất 2 năm của ông chỉ cho một tập đầu tiên, mỗi ngày ông dành ra không dưới 15 tiếng làm việc. Chính ông đã thú nhận: “Nhìn lại thời kỳ này, tôi thấy nó chia tách bạch ra làm một mảng sáng rộng và một mảng tối hẹp: những thư viện lộng lẫy, mảng tối với những khát khao và mất ngủ đau đớn mà tôi đã nhắc đến khá nhiều” (Nabokov 2015:40). Có lẽ, những ám ảnh tinh thần không được giải tỏa cùng áp lực công việc đã khiến Humbert không chịu đựng được: “Một cơn suy sụp kinh khủng khiến tôi phải đi ở nhà an dưỡng hơn một năm; tôi trở về làm việc – để rồi lại được đưa vào bệnh viện” (Nabokov 2015:40) [7]. Như vậy, dù là một người thông thạo tiếng Anh, làm những công việc có hàm lượng tri thức cao liên quan đến tiếng Anh, được trọng dụng ở đất nước mới, nhưng chính tính chất công việc của Humbert lại tách Humbert ra khỏi môi trường xã hội của nước Mỹ một cách tự nhiên nhất: việc trong vòng 2 năm Humbert mất 15 tiếng một ngày cho công việc, đó là chưa tính đến khoảng thời gian cho những nhu cầu tối thiểu của con người; việc Humbert tạm tách khỏi môi trường xã hội thông thường để điều trị ở một không gian xã hội nhỏ hơn là bệnh viện. Vì thế, Humbert, ở một khía cạnh nào đó, cũng trở thành một kẻ cô độc dù ông hoàn toàn chủ động và tự tin hòa nhập ở nơi di cư. Thậm chí, khi ở bệnh viện, Humbert cũng tự tách mình ra khỏi hàng ngũ những bệnh nhân khác. Humbert chủ động giở mặt các bác sỹ tâm thần vì mục đích của mình: “Tôi phát hiện ra rằng giở mặt các bác sỹ tâm thần là một nguồn bất tận mang lại những thú vui sáng khoái: khéo léo xỏ mũi họ; không bao giờ để họ thấy rằng mình biết mọi ngón nghề của họ; bịa cho họ nghe những giấc mơ thật tinh vi, hoàn toàn thuộc loại kinh điển [...] và tuyệt đối không bao giờ hé lộ cho họ thấy thực trạng tính dục của mình” (Nabokov 2015:42) [7].

Xuất viện, Humbert tìm đến một nơi bình yên ở nước Mỹ mà ông gọi là “thị trấn nhỏ thiu thiu ngủ” (với hàng cây du, ngôi nhà thờ trắng), với khu vườn yên tĩnh và có một hồ nước ở gần nhà để có thể tắm ở đó. Đó là nơi tuyệt vời để Humbert vừa tiếp tục công việc học thuật, vừa tự chữa lành cho tâm hồn mình, vừa tìm cách tham gia vào công việc kinh doanh nước hoa. Việc từ chối không gian của những thành phố lớn, những không gian trung tâm náo nhiệt để tìm đến không gian bình yên với những thị trấn nhàm tẻ của Humbert cũng là cách nhân vật tự tách mình khỏi môi trường xã hội để phục vụ những nhu cầu cá nhân. Và có thể nói, lựa chọn sống cô độc (theo cách của riêng Humbert) cũng là lựa chọn chủ động của nhân vật. Nhưng trong những mục đích cao cả và chính đáng đó, còn có một mục đích khác, thể hiện qua việc Humbert hào hứng và vui sướng khi được nhân viên của ông bác giới thiệu cho một ngôi nhà có thể có một “tiểu nữ thần” như ý nguyện: “Ông cho biết họ có hai con gái nhỏ, một còn ẵm ngửa, đứa kia mười hai tuổi, và một khu vườn đẹp cách một con hồ đẹp không xa” (Nabokov 2015:43) [7]. Niềm vui của Humbert biến

mất khi chủ nhà nơi ông định thuê trọ cho biết nhà họ bị cháy, và Humbert có thể thuê nhà hàng xóm của họ, đó là gia đình bà Haze. Humbert đã chán nản tìm cách bỏ chạy, cho đến khi nhìn thấy ánh sáng của đời mình, “tiểu nữ thần” mà ông luôn mong đợi – Lolita. Như vậy, việc lựa chọn lối sống biệt lập của Humbert xuất phát từ một nguyên nhân sâu xa, đó là xu hướng tính dục khác thường của nhân vật, xu hướng mà nhân vật luôn tìm cách che giấu nhưng lại vẫn kín đáo và ráo riết kiếm tìm. Ấn ức và khát khao kiếm tìm đó thiêu đốt nhân vật đến mức khiến ông ta kiệt quệ khi không được hàng ngày ngắm nhìn những bóng hình “tiểu nữ thần” của mình: “Giờ đây, khi đã biết về tôi, bạn đọc ắt có thể dễ dàng tưởng tượng ra tôi loay hoay như thế nào trong bụi bặm và nóng bức để cố sao ngó thấy những tiểu nữ thần (than ôi, bao giờ cũng ở đằng xa) đang chơi đùa trong Công viên Trung tâm” (Nabokov 2015:40) [7]. Như thế, có thể thấy, ở một khía cạnh nào đó, Humbert cũng là một kẻ bắt lực, bắt lực trong việc chế ngự chính bản thân mình trước những ám ảnh và ấn ức tính dục khác thường từ thời thơ ấu. Hay nói cách khác, ở Humbert, xu hướng tính dục khác biệt quá lớn, nó thiêu đốt nhân vật và chính là thứ khiến nhân vật sau này càng trở nên đơn độc. Nó chi phối nhân vật trong tất cả những quyết định về công việc và lối sống, khiến nhân vật luôn luôn tìm cách che giấu và tự tách biệt mình với tất cả mọi người dù ở bề mặt ông ta tỏ ra hòa đồng với môi trường mới rất nhanh. Có thể khẳng định, chính sự tự tin thái quá và khả năng làm chủ công việc, làm chủ các mối quan hệ xã hội tại nơi di cư quá nhanh chóng đã khiến Humbert gặp bị kịch.

2.2.2. Bị xa lánh và cô lập bởi những hành vi vô chuẩn mực của mình

Sau hai mươi tư năm, Humbert đã “giải được bùa mê” với Annabel bằng cách chiếm hữu một cô gái khác, đó là Lolita. Và cái cách ông cưới Haze – mẹ của Lolita để hợp thức hóa việc ở lại gia đình đó, hợp thức hóa việc chăm sóc Lolita, sau này là hợp thức hóa việc sở hữu Lolita cũng chính là cách nhân vật càng ngày càng trở nên cô độc. Đó là sự cô độc dựa trên sự vi phạm chuẩn mực xã hội của Humbert, hay nói cách khác là sự “vô chuẩn mực” (Seeman 2001) của Humbert mà tất cả những người xung quanh ông ta đều nhận thấy khi tiếp xúc, đặc biệt là tiếp xúc lâu dài [3].

Ở lại gia đình Haze, cưới Haze chỉ vì niềm hạnh phúc đã tìm được “tiểu nữ thần đích thực” mà mình bấy lâu tìm kiếm, Humbert đã bắt đầu bước vào một cuộc sống mới sau những thất bại của cuộc hôn nhân đầu tiên với một “tiểu nữ thần” mà chính ông ngộ nhận. Cái chết của Haze lại càng như là một sự đền đáp của cuộc đời cho Humbert khi ấy. Humbert đưa Lolita đi khắp nước Mỹ trên chiếc xe của mình, chăm sóc và tìm mọi cách che đậy mối tình vụng trộm của hai người dưới vỏ bọc cha dượng – con gái của vợ. Hành vi của Humbert xét về mặt đạo đức là hành vi đi ngược lại chuẩn mực xã hội. Việc làm đó của Humbert cũng là việc nhân vật tự tách mình ra khỏi xã hội, tự cô lập bản thân mình; thậm chí, hành động đó của Humbert chính là hành động tước đoạt quyền tự định đoạt cuộc đời mình của Lolita. Đây là điều không thể chấp nhận được. Không ai được phép tước đoạt quyền được tự lựa chọn cách sống cho mình của người khác. Trong *Đọc Lolita ở Tehran*, học giả Azar Nafisi đã viết: “Sự thật tuyệt vọng trong câu chuyện của *Lolita* không phải là chuyện một người đàn ông lớn tuổi dơ bẩn hãm hiếp một bé gái mười hai tuổi mà là sự chiếm đoạt cuộc sống của một cá nhân bởi một cá nhân khác” (Nafisi 2018:52) [8]. Chính điều này đã dẫn đến kết cục bị kịch của Humbert, trong đó bị kịch lớn nhất là việc sau này Lolita cũng rời bỏ ông ta để đi theo một người đàn ông khác, để rồi cuối cùng lấy một anh chàng cựu binh đẹp trai và quyết tâm rời bỏ tất cả đến lập nghiệp ở một vùng xa xôi hẻo

lánh. Lolita từ chối Quaylty, người mà cô đã chạy theo khi đang du ngoạn khắp nước Mỹ cùng Humbert, Lolita cũng từ chối chính Humbert khi ông ta cuối cùng cũng tìm được cô sau một thời gian dài đề mắt dấu. Humbert vô cùng thất vọng và đỉnh điểm của sự thất vọng ấy là việc ông đã giết chết Quaylty, kẻ quyến rũ Lolita rồi bỏ ông ta. Đó cũng là đỉnh điểm của sự “vô chuẩn mực”, “vô chính phủ”, “bất lực” ở Humbert. Có thể nói, Humbert dường như đã chủ động thiết lập cuộc sống của mình ở nơi di cư, sự chủ động ấy đến từ tri thức, sự tự tin và cả tiền bạc cũng như khát vọng kiếm tìm “tiểu nữ thần” vốn được giấu kín. Và thực tế, ở nơi di cư, cụ thể là ở nước Mỹ, Humbert đã thực hiện được ước mong ấy. Nhưng rõ ràng, chính sự tự tin thái quá của Humbert, trong đó có sự tự tin thái quá về việc kiểm soát người khác (ở đây là Lolita) để phục vụ cho nhu cầu bản năng của con người cá nhân của mình, đã cô lập ông ta, tách ông ta khỏi cuộc sống của những người bình thường trong xã hội, cuối cùng khiến ông ta mất tất cả: tình yêu, tự do, cuộc sống. Chính Humbert trong tác phẩm cũng thừa nhận đã đánh mất thiên đường khi đánh mất Lolita, chính xác là đánh mất Lolita ngây thơ của tuổi 12 khi ông vẫn còn sở hữu cô (thời điểm 2 người gặp lại nhau Lolita đã 17 tuổi, có chồng và sắp sinh con). Sau khi bị Lolita bỏ rơi, Humbert lái xe lang thang khắp nơi và trong hành trình ấy, ông ta nghe thấy đâu đó ở rất xa, như ở rìa trái đất, như thể từ thiên đường, giọng hát của những thiên thần trẻ con, nhưng “và tôi chợt hiểu ra rằng cái đau thất vọng đến vô vọng nơi tôi không phải là do thiếu vắng Lolita bên cạnh tôi, mà là do thiếu vắng giọng em trong hộp xướng hài hòa kia” (Nabokov 2015:352) [7]. Như vậy có thể nói, *nếu Pnin cô độc vì sự bất lực trong việc hòa nhập thì Humbert lại cô độc vì chính sự hòa nhập thành công của mình*. Mỗi nhân vật đều có những bi kịch cô độc riêng, không ai giống ai. Nhưng rõ ràng, bi kịch cô độc ấy đều ít nhiều chịu tác động từ quá trình di cư của nhân vật. Humbert cuối cùng chết ở trong tù “trong cái phòng biệt lập như hầm mộ mặc dù được sưởi ấm này” (Nabokov 2015:352) [7], chết vì sự tồn tại vô nghĩa của chính cuộc đời mình. Humbert chết, Pnin thì cô độc trong một cuộc sống âm thầm vô nghĩa, đó là những cuộc đời mang những chấn thương tâm lý đầy ám ảnh của các nhân vật trí thức di cư của Nabokov.

3. KẾT LUẬN

Trong cuốn *Diaspora and Transnationlism. Concepts, Theories and Method* (chương “Instrumentalising diasporas for development: International and European policy discourses”) nhà nghiên cứu Agnieszka Weiner đã khẳng định “sự xa lánh xã hội, tiềm năng cực đoan hóa” của những người di cư chính là “sự thất bại đã được thừa nhận của những người di cư khi hòa nhập” (Bauböck và cộng sự 2010:81) vào xã hội mới, cụ thể trong bài tác giả dẫn chứng sự hòa nhập vào EU [9]. Theo chúng tôi, điều này đúng với bất cứ không gian di cư nào, không chỉ EU (như trong *Phòng thủ Luzhin*, một tác phẩm đặc sắc khác của Nabokov cũng viết về một dạng nhân vật cô độc khác) và Mỹ (như trong *Pnin*, *Lolita*). Sự bị xa lánh đến với những người di cư khi họ cố gắng hòa nhập vào xã hội sở tại, thực chất bắt nguồn từ sự bị chia cắt của họ đối với cố quốc (đất nước họ đã rời đi). Cụ thể, với những người di cư, khi bản thân họ (chủ thể di cư) bị tách rời khỏi đối tượng di cư (đất nước mà họ rời đi với tất cả những đáng về văn hóa của nó) thì dường như họ cảm thấy không còn điểm tựa, họ chông chênh, bất an, nhất là về mặt tinh thần. Marx đã nhấn mạnh đến cảm giác tâm lý bị xa lánh này của chủ thể khi bị tách rời khỏi đối tượng: “Sự bị xa lánh về cơ bản là trải nghiệm thế giới và chính mình một cách thụ động, dễ tiếp thu, khi chủ thể tách ra khỏi đối tượng” (Fromm 1966:44) [10]. Theo chúng tôi, số phận và cuộc đời của các nhân vật của

Nabokov và chính nhà văn, phần nào đó có thể lí giải từ cách nhìn này về những thân phận tha hương – di cư của họ. Trong thực tế, bản thân nhà văn và các nhân vật đều là người di cư, và họ đều cô độc trong sự lựa chọn của mình. Họ bị cắt ra khỏi nguồn mạch văn hóa của quê hương, họ phải chịu những áp lực từ những sự hòa nhập, họ bị chấn thương và thậm chí không thể chữa lành từ những chấn thương ấy. Những điều này có thể biểu thị một cách âm thầm với sức công phá ghê gớm. Vì thế cho nên, những nhân vật của Nabokov luôn là một mời gọi khám phá từ rất nhiều những cách thức đọc khác nhau từ các quan điểm khoa học khác nhau, trong đó có cách nhìn tâm lý xã hội học này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. William Safran (1991), *Diaspora in Modern Societies: Myths of Homeland and Return*, *Diaspora*, 1(1), pp.83-99.
2. Melvin Seeman (1959), *On the Meaning of Alienation*, *American Sociological Review*, Vol. 24, No. 6, pp. 783-791.
3. Melvin Seeman (2001), *Alienation: Psychosociological Tradition*, *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences*, p.385-388. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/B0080430767018258>.
4. Phạm Gia Lâm (2015), *Văn học Nga hải ngoại: Quá trình – Đặc điểm – tiếp nhận*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Vladimir Nabokov (2017), *Pnin*. Zenbooks (Thiên Lương dịch), Nxb Văn học.
6. Mark Shackleton (Edited) (2008), *Diasporic Literature and Theory – Where Now?*, Cambridge Scholars Publishing.
7. Vladimir Nabokov (2015), *Lolita*, (Dương Tường dịch), Hội Nhà văn, Nxb Nhã Nam.
8. Azar Nafisi (2018), *Đọc Lolita ở Tehran*, Hồi ký qua những cuốn sách, Thế giới (Nguyễn Thu Huyền, Dzũ Lệ Khanh dịch), Nxb Nhã Nam.
9. Rainer Bauböck and Thomas Faist (eds.) (2010), *Diaspora and Transnationalism, Concepts, Theories and Method*, IMISCOE Research-Amsterdam University Press.
10. Erich Fromm (1966), *Marx's concept of man*, New York: Frederick Ungar.

THE ISOLATED INTELLECTUAL CHARACTER IN IMMIGRATION PLACE IN VLADIMIR NABOKOV'S WORKS FROM A SOCIAL-PSYCHOLOGICAL PERSPECTIVE

Abstract: Vladimir Nabokov is a unique writer of world literature. Being an immigrant helped Nabokov absorb many different cultural streams, creating unique features in his work. Also, it led him to create several characters based on the psychology of migration. One of those types of characters is the isolated character. Nabokov's most typical isolated intellectual characters include Pnin (in the novel *Pnin*) and Humbert Humbert (in the novel *Lolita*). By analyzing the characteristics of these two characters in the process of integrating into the country where they immigrated, the article affirms loneliness/self-alienation/alienation as one of the characteristics of world migration literature from a social and psychological perspective.

Keywords: Isolated, intellectual, *Lolita*, *Pnin*, alienation, Vladimir Nabokov.